| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ TÂN**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 175/2023/DS- ST
Ngày 20 - 7 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Trần Thế Văn

*Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh văn Sức

2. Bà Huỳnh Thị Mỹ Thanh

***- Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Tuyết là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên Tòa***: Ông Nguyễn Văn Hoài là Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2023/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng C, có trụ sở tại: Số A, phố L, phường H, quận H, Thành Phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc N, chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C làm đại diện theo văn bản ủy quyền số 42/QĐ – NHCS ngày 06 tháng 6 năm 2022, có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1973 nơi cư trú: Tổ C, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1970

2. Anh Huỳnh Minh T1, sinh năm 1992.

Ông T, anh T1 cùng cư trú: ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2023 và lời khai của nguyên đơn do bà Nguyễn Ngọc N trình bày:*

Ngày 06/04/2014, bà Nguyễn Thị Kim N1 đại diện cho hộ gia đình vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C cho sinh viên anh Huỳnh Minh T1 đi học, chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn với số tiền là 16.500.000đ, thời hạn trả nợ vay là 06/04/2018 lãi suất trong hạn là 0,65%/tháng và lãi suất quá hạn là 0,845%/tháng đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 07/01/2019. Sau khi vay, đến ngày 07/04/219 bà N1 có trả tiền vốn được 182.154 đồng, còn nợ lại 16.317.846 đồng thì không trả vốn và lãi cho đến nay.

Đối với khoản vay này hộ bà N1 còn nợ lại ngân hàng vốn là 16.317.846 đồng và tiền lãi 5.216.000 đồng (tạm tính đến ngày 04/01/2023), tổng cộng vốn và lãi là 21.533.846 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần đến nhà gặp gỡ đôn đốc, nhắc nhỡ gia đình bà N1 thanh toán tiền vay nhưng vẫn không thực hiện.

Nay Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu bà N1, ông T và anh T1 cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền vốn là 16.317.846 đồng và tiền tiền lãi 5.216.000 đồng (tạm tính đến ngày 04/01/2023), tổng cộng là 21.533.846 đồng.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh T2 và anh Huỳnh Minh T1 vắng mặt, không có ý kiến*.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu trả tiền vốn, chỉ yêu cầu trả lãi 4.126.915 đồng, rút một phần yêu cầu trả lãi 1.089.085 đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà N1, ông T2 và anh T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C xã hội số tiền 20.444.761 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 16.317.846 đồng, lãi là 4.126.915 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang trả tiền vay của hợp đồng tín dụng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng tín dụng và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Tân quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà N1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T2, anh T1 đã được triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N1, ông T2, anh T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu trả lãi 1.089.085 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu trả lãi 1.089.085 đồng.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Ngày 26/2/2014, bà Nguyễn Thị Kim N1 có Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay có nội dụng gửi Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C đề nghị vay 5.500.000 đồng để chi phí học tập cho 01 học kỳ cho con tên Huỳnh Minh T1 có thời hạn vay 36 tháng; kèm theo giấy đề nghị là giấy ủy quyền của hộ gia đình gồm 02 người là bà N1 và chồng ông Huỳnh Minh T2 và giấy xác nhận của Trường T3 cho sinh viên Huỳnh Minh T1. Sau khi có Giấy đề nghị, Ngân hàng C đã phê duyệt với nội dung thống nhất cho bà N1 vay số tiền 5.500.000 đồng với lãi suất 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất vay. Sau đó Ngân hàng chính sách cấp cho bà N1 01 sổ vay vốn có các thông tin về người vay bà N1, người thừa kế ông T2 có ký tên, các lần nhận tiền vay, quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo nội dung ghi trên sổ vay vốn thể hiện bà N1 đã nhận tiền 03 lần: ngày 06/04/2014 nhận 5.500.000 đồng, ngày 06/11/2014 nhận 5.500.000đồng, ngày 06/05/2015 nhận 5.500.000đồng, tổng cộng là 16.500.000đồng

[2.2] Như vậy, sổ vay vốn là hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng C với bà Nguyễn Thị Kim N1 (đại diện cho hộ gia đình) nên về hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Sau khi nhận tiền vay, hết thời hạn 36 tháng và đã được gia hạn 01 năm, đến hạn trả nợ vốn và lãi vay, bà N1 không thực hiện trả tiền vay theo thỏa thuận là vi phạm thỏa thuận của các bên. Bà N1 chỉ thực hiện trả tiền vốn được 182.154 đồng vào ngày 07/4/2019, sau đó thì ngưng không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi và trả vốn theo hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu trả vốn còn nợ 16.317.846 đồng và tiền lãi trong hạn và quá hạn đến này xét xử là 4.126.915 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 20.444.761 đồng.

[2.3] Về trách nhiệm thanh toán: Bà N1 ký hợp đồng tín dụng là đại diện cho hộ gia đình theo giấy ủy quyền của ông T2 để cho anh T1 có tiền chi phí cho việc học, do đó buộc bà N1, ông T2 và anh T1 có nghĩa vụ liên đới trả tiền vốn vay và tiền lãi 20.444.761 đồng cho Ngân hàng C.

[2.4] Về án phí sơ thẩm: Bà N1, ông T2, anh T1 cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 275, Điều 288 Bộ luật Dân sự; Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội đối với yêu cầu trả lãi 1.089.085 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với bà Nguyễn Thị Kim N1, ông Huỳnh Văn T, anh Huỳnh Minh T1

Buộc Nguyễn Thị Kim N1, ông Huỳnh Văn T, anh Huỳnh Minh T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội tiền vốn vay 16.317.846 đồng và lãi tính đến ngày 20/7/2023 là 4.126.915 đồng, tổng cộng là 20.444.761 (hai mươi triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi một đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim N1, ông Huỳnh Văn T, anh Huỳnh Minh T1 còn phải tiếp tục trả lãi từ ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bà Nguyễn Thị Kim N1, ông Huỳnh Văn T, anh Huỳnh Minh T1 cùng phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm là 1.022.000 (một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thế Văn**